

Bản án số: 01/2025/KDTM-PT

Ngày 05 - 12 - 2025

V/v tranh chấp hợp tác đầu tư

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mỹ Giang và ông Nguyễn Công Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phong - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2025/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 157/2025/QĐ- PT ngày 27 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2; Địa chỉ: Số B đường N, phường A, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đại N – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Trọng T, sinh năm 1958, địa chỉ: Số A đường T, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T1 – Luật sư của Văn phòng luật sư Đặng Văn P, thuộc Đoàn luật sư tỉnh K, có mặt.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ; Địa chỉ: Số C đường L, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Địa chỉ: Số B đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê Minh H; Địa chỉ: Số B đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2025, quá trình giải quyết nguyên đơn Công ty TNHH H2 trình bày:

Ngày 12/4/2017, Công ty TNHH H2 (sau đây gọi tắt là Công ty H2) ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2017/HĐHTĐT với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ), góp vốn để thực hiện đầu tư xây dựng nhà ở và kinh doanh khai thác một phần Dự án khu dân cư B, phường N, tỉnh Quảng Ngãi, với quy mô 52 lô đất liền kề, tổng diện tích xây dựng là 5.180m². Tổng vốn đầu tư là 62.240.000.000 đồng, trong đó Công ty Đ góp 66,6 %/tổng vốn đầu tư; Công ty H2 góp 33,4%/ tổng vốn đầu tư.

Ngày 30/9/2017, hai bên ký tiếp một hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2017/HĐHTĐT xây dựng và kinh doanh khu dân cư B, phường N, tỉnh Quảng Ngãi. Quy mô tổng diện tích xây dựng là 31.246,6m², với tỷ lệ góp vốn Công ty Đ góp 66,6%, Công ty H2 góp 33,4%.

Sau đó, hai bên tiếp tục ký với nhau các phụ lục ký quỹ hợp tác đầu tư kèm theo hợp đồng số 01 và số 02. Như vậy, tổng số tiền Công ty H2 đã chuyển cho Công ty Đ là 247.918.000.000 đồng.

Sau khi nhận số tiền góp vốn nói trên, Công ty Đ đã không thực hiện đúng theo hợp đồng nên ngày 30/5/2019, hai bên đã tiến hành lập Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư giai đoạn 01 với nội dung sẽ chấm dứt hiệu lực ngay sau khi bên A và bên B thực hiện xong các nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng hợp tác đầu tư; tính đến ngày 12/01/2023 phía Công ty Đ đã thanh toán cho Công ty H2 số tiền 204.248.933.515 đồng.

Ngày 13/01/2023, hai bên tiếp tục lập Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư giai đoạn 02, với nội dung: Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng số 02/2017/HĐHTĐT ngày 30/9/2017, theo đó, bên Công ty Đ phải hoàn trả cho bên Công ty H2, tổng số tiền là 60.000.000.000 đồng, thời gian hoàn trả thành 03 đợt cụ thể: Đợt 1: Trước ngày 20/01/2023 là 10.000.000.000 đồng; Đợt 2: Trước ngày 31/3/2023 là 20.000.000.000 đồng và đợt 3 trước ngày 30/6/2023 là 30.000.000.000 đồng. Nếu bên Công ty Đ không thanh toán cho Công ty H2

đúng tiến độ nêu trên thì Công ty Đ sẽ chịu mức lãi phạt là 0,04%/ngày trên số tiền và thời gian chậm thanh toán từng đợt theo thỏa thuận.

Quá trình thực hiện Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư giai đoạn 02 ngày 13/01/2023, Công ty Đ đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng cam kết đối với đợt 1, số tiền 10.000.000.000 đồng, thanh toán vào ngày 17/01/2023.

Đối với đợt 02, số tiền 20.000.000.000 đồng phải thanh toán trước ngày 31/3/2023. Tuy nhiên, Công ty Đ vi phạm thời hạn thanh toán theo cam kết, cụ thể: Công ty Đ đã thanh toán thành 09 lần và lần thanh toán đầu tiên vào ngày 17/7/2023 là vi phạm thời hạn thanh toán theo cam kết.

Đối với đợt 03 với số tiền 30.000.000.000 đồng: Theo cam kết là phải thanh toán trước ngày 30/6/2023. Tuy nhiên, Công ty Đ đã thanh toán thành 13 lần với số tiền 22.027.065.039 đồng, lần thanh toán đầu tiên vào ngày 30/8/2024 là vi phạm cam kết.

Do đó, Công ty Đ phải chịu lãi phạt là 0,04%/ngày trên số tiền và thời gian chậm thanh toán từng đợt theo cam kết đã ký.

Tính đến ngày 16/01/2025 Công ty Đ đã thanh toán cho Công ty H2, tổng số tiền là 52.027.065.039 đồng; số tiền Công ty Đ còn phải thanh toán là 7.972.934.961 đồng. Công ty H2 đã nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty Đ vẫn cố tình kéo dài, không chịu thanh toán số tiền gốc và lãi nói trên.

- Ngày 16/01/2025, Công ty H2 khởi kiện yêu cầu Tòa buộc Công ty Đ phải thanh toán, tổng số tiền 23.183.245.186 đồng và tiền lãi phát sinh, gồm các khoản sau:

- Tiền gốc phải thanh toán theo biên bản thanh lý là 7.972.934.961 đồng.
- Tiền phạt 0,04% theo biên bản thanh lý tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày 16/01/2025 trên số tiền chậm thanh toán 15.210.310.225 đồng.

- Ngoài ra, Công ty Đ còn phải chịu tiền phạt 0,04% ngày tính từ ngày 17/01/2025 cho đến ngày thi hành án xong số tiền gốc 7.972.934.961 đồng.

- Ngày 23/6/2025, Công ty Đ đã tự nguyện thanh toán cho Công ty H2 toàn bộ số tiền nợ gốc là 7.972.934.961 đồng nên xin rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền gốc và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 5.238.313.561 đồng.

Nay, Công ty H2 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH Đ, phải thanh toán số tiền lãi tính từ ngày 01/4/2023 cho đến ngày 23/6/2025 trên số tiền chậm thanh toán, tổng số tiền lãi là 9.971.996.664 đồng theo lãi suất thỏa thuận là 0,04%/ngày tại Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 13/01/2023 (có bảng tính lãi đính kèm).

Về việc giảm lãi suất trả chậm, Công ty H2 hoàn toàn không có bất kỳ công văn nào xác nhận về vấn đề này và cũng không phát hành Công văn số

02/2024/CV ngày 13/08/2024 như Công ty TNHH Đ đã đề cập. Ông Lê Minh H người đại diện theo ủy quyền của Công ty H2 không được ủy quyền về việc điều chỉnh lãi suất chậm thanh toán đã được hai bên thỏa thuận thống nhất theo biên bản thanh lý hợp đồng ngày 13/01/2023. Vì Công ty TNHH Đ đã rất nhiều lần vi phạm cam kết thanh toán nên nguyên đơn không đồng ý bất kỳ đề xuất nào của Công ty TNHH Đ và yêu cầu thực hiện đúng theo biên bản thanh lý hợp đồng đã ký kết.

Đại diện bị đơn Công ty TNHH Đ trình bày:

Công ty Đ và Công ty H2 có ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2017/HĐHTĐT ngày 12/4/2017; số 02/2017/HĐHTĐT ngày 30/09/2017, các phụ và đã ký biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư giai đoạn 2 như nguyên đơn trình bày. Theo đó, Công ty Đ xác nhận nghĩa vụ còn phải thanh toán cho Công ty H2 số tiền 60.000.000.000 đồng, chi tiết công nợ: H1 lại tiền ký quỹ là 43.669.000.000 đồng, thanh toán tiền lợi nhuận được chia là 385.000.000 đồng, thanh toán tiền lãi là 15.946.000.000 đồng. Kế hoạch thanh toán thành 03 đợt như nguyên đơn trình bày.

Hai bên thỏa thuận trong biên bản thanh lý rằng số tiền lãi là 15.946.000.000 đồng, Công ty H2 phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty Đ trước khi thanh toán. Nếu thanh toán không đúng tiến độ thì Công ty Đ phải chịu mức lãi phạt là 0,04%/ngày tính trên số tiền và thời gian chậm thanh toán của từng đợt cho Công ty H2. Ngày 04/03/2024, Công ty H2 đã xuất hóa đơn với số tiền lãi 7.973.065.039 đồng, đối với số tiền lãi còn lại 7.972.934.961 đồng (15.946.000.000 đồng - 7.973.065.039 đồng) Công ty H2 chưa xuất hóa đơn. Kể từ ngày ký biên bản thanh lý, tính đến ngày 28/11/2024, Công ty Đ đã thanh toán cho Công ty H2 số tiền là 52.027.065.039 đồng.

Số tiền lãi còn nợ là 7.972.934.961 đồng, phía Công ty H2 chưa xuất hóa đơn theo cam kết của biên bản thanh lý nên Công ty Đ vẫn chưa có cơ sở để thanh toán, mặc dù đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu xuất hóa đơn để làm cơ sở thanh toán nhưng phía Công ty H2 vẫn không xuất hóa đơn.

Theo biên bản thanh lý, mức lãi phạt chậm thanh toán là 0,04%/ngày tương đương 14,6%/năm là quá cao so với thị trường. Công ty Đ cũng đã có văn bản yêu cầu Công ty H2 điều chỉnh lãi suất chậm thanh toán tại 06 công văn số 03-04-05-07-08-10/2024/CV-KT/DTQ, từ ngày 30/07/2024 đến ngày 23/01/2025.

Tại công văn số 03/2024/CV-KT/DTQ ngày 30/07/2024, có đề nghị Công ty H2 áp dụng mức lãi phạt chậm thanh toán cho Công ty Đ với mức lãi suất tối đa từ 6%/năm đến 8%/năm theo lãi suất cho vay của Ngân hàng thương mại cổ phần N3. Nội dung này đã được phía Công ty H2 xác nhận đồng ý tại Công văn số 02/2024/CV ngày 13/08/2024 do ông Lê Minh H, là người đại diện theo ủy

quyền của Công ty V xác nhận nhưng phương pháp để số tiền phạt chậm thanh toán mà ông H xác nhận tính đến ngày 13/08/2024 là 6.258.000.000 đồng ($50.000.000.000 * 8\%/năm * 20 \text{ tháng}$) là không đúng. Công ty TNHH Đ có đề nghị phía Công ty H2, tính lãi chậm thanh toán theo phương pháp số dư giảm dần dựa trên số tiền mà Công ty Đ đã thanh toán theo cách tính lãi đúng với lãi suất là 8%/năm và số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 28/11/2024. Công ty TNHH Đ đã gửi Công văn số 10/2024/CV-KT/DTQ ngày 03/12/2024 kèm bảng tính lãi chậm thanh toán và yêu cầu Công ty H2 xác nhận số tiền lãi để làm cơ sở thanh toán nhưng vẫn không ký xác nhận số tiền tính lãi theo lãi suất 8%/năm.

Đến ngày 26/5/2025, Công ty H2 đã xuất hoá đơn và Công ty Đ đã thanh toán xong toàn bộ tiền 7.972.934.961 đồng vào ngày 23/6/2025. Nay, Công ty Đ đề nghị Tòa án xem xét chấp thuận mức lãi suất áp dụng tính tiền lãi chậm thanh toán cho Công ty Đ là 8%/năm, với số tiền là 5.034.648.318 đồng (có bảng kê đính kèm).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Minh H trình:

Nội dung, thời hạn uỷ quyền: Đã được ghi rõ trong văn bản uỷ quyền là có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi hoàn thành công việc. Nay công việc chưa hoàn thành thì giấy uỷ quyền vẫn còn hiệu lực thực hiện. Cho nên về pháp lý trong vụ án này ông vẫn là người đang đại diện hợp pháp cho Công ty H2 trong vụ việc với Công ty Đ.

Về nội dung ký biên bản giảm lãi suất xuống 8%/ năm, ngày 13/8/2024 là do ông ký. Lúc đó khi Đồng Tâm Q đã chủ động hợp tác làm việc và đã thanh toán gần hết số tiền gốc cho bên V thì ông có trao đổi với ông Trần Đại N1 về đề nghị giảm lãi cho Công ty Đ. Lúc đó trong phạm vi uỷ quyền, ông đã đồng ý giảm lãi còn 8%/năm nếu Công ty Đ thanh toán hết phần gốc còn lại và phần lãi cho Công ty H2.

Về nội dung này ông căn cứ vào nội dung uỷ quyền ghi rõ : “Đại diện cho bên V làm việc với ông Nguyễn Văn D để giải quyết công việc như điều 1 (xử lý công nợ liên quan) của hợp đồng này”. Đến nay hai Công ty, chưa thống nhất được với nhau về việc xuất hoá đơn để thanh toán nên việc thanh toán gốc và lãi nói trên chưa được thực hiện nên văn bản giảm lãi suất đó không có giá trị pháp lý, do Đồng Tâm Q không thực hiện đúng nội dung thanh toán. Nay hai bên phát sinh tranh chấp về lãi suất thì thoả thuận với nhau hoặc theo phán quyết của Tòa án.

- Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Ngày 26/4/2024, Công ty H2 có uỷ quyền cho ông Lê Minh H, phạm vi như sau: Soạn thảo hồ sơ tố cáo ông Nguyễn Văn D tại Cơ quan Cảnh sát điều

tra về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; kiến nghị các cơ quan chức năng buộc ông Nguyễn Văn D thanh toán số tiền như biên bản đã ký; kiến nghị các cơ quan chức năng thực hiện các biện pháp khác nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty H2; nộp và nhận các tài liệu liên quan đến vụ việc trên tại các bên liên quan và các cơ quan chức năng; đại diện cho Công ty H2 làm việc với ông Nguyễn Văn D để giải quyết công việc như trên. Như vậy, việc ông Lê Minh H đã ký và ban hành Công văn số 02/2024/CV ngày 13/8/2024 về việc xác nhận điều chỉnh lãi suất chậm thanh toán là hoàn toàn vượt quá phạm vi ủy quyền. Do đó, Công văn số 02/2024/CV ngày 13/8/2024 không hợp pháp nên không có hiệu lực.

Công ty TNHH Đ cho rằng ông Hồ Minh T2 ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 13/01/2023 và đồng ý với mức lãi suất 0,04%/ngày là vượt quá thẩm quyền nên đại diện Công ty TNHH Đ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với mức lãi suất 0,04%/ngày. Xét thấy, thời điểm ký Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 13/01/2023, ông Hồ Minh T2 là giám đốc Công ty, là người đại diện theo pháp luật. Đồng thời theo mục 2.1 và 3.6 của Giấy ủy quyền lập ngày 03/01/2022 thì việc ông Hồ Minh T2 ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng và đồng ý với mức lãi suất 0,04%/ngày là hoàn toàn đúng thẩm quyền.

Đồng thời, tại các Công văn số 03-04-05-07-08-09/2024/CV-KT/DTQ, từ ngày 30/07/2024 đến ngày 29/11/2024 Công ty TNHH Đ liên tục đề nghị Công ty H2 giảm lãi suất nhưng không có công văn nào phản hồi để chấp nhận việc xin giảm lãi của Công ty TNHH Đ. Đối với Công văn số 06/2024/CV-HH ngày 02/12/2024 gửi cho Công ty TNHH Đ, một lần nữa Công ty H2 khẳng định: Đề nghị Công ty TNHH Đ thực hiện đúng cam kết với lãi suất 0,04%/ngày.

Mặt khác, phía bị đơn cho rằng theo biên bản thanh lý hợp đồng lập ngày 13/01/2023 thì Công ty H2 phải xuất hóa đơn thì Công ty TNHH Đ mới thanh toán. Tuy nhiên, căn cứ vào Mục 2 Điều 2 của Biên bản thanh lý hợp đồng lập ngày 13/01/2023 thì hai bên thỏa thuận rằng: Bên A thanh toán tiền thì đồng thời bên B sẽ xuất hóa đơn. Do đó, ý kiến nêu trên của Công ty TNHH Đ không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H2, buộc Công ty TNHH Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty H2 số tiền lãi là 9.971.996.664 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ phải trả cho Công ty trách nhiệm

hữu hạn H2 số tiền nợ lãi là 9.971.996.664 đồng (*chín tỷ chín trăm bảy một triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bốn đồng*).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn H2 về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ phải trả gốc là 7.972.934.961 đồng và số tiền lãi là 5.238.313.561 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và các vấn đề khác.

Ngày 25/8/2025, bị đơn Công ty Đ, có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm. Tại phiên tòa bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về phần lãi suất. Lý do: Đề nghị áp dụng mức lãi suất 8%/năm vì ông H ký lãi suất 0,4%/ngày là không đúng thẩm quyền; đại diện bị đơn ký không đúng thẩm quyền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét kháng cáo của bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty Đ, đề nghị áp dụng mức lãi suất 8%/năm vì ông H ký lãi suất 0,4%/ngày là không đúng thẩm quyền; đại diện bị đơn ký không đúng thẩm quyền, thấy rằng:

[2.1] Theo nội dung Giấy ủy quyền ngày 26/4/2024 giữa bên ủy quyền là Công ty H2 và bên nhận ủy quyền là ông Lê Minh H (bút lục 195, 196) thấy

rằng, phạm vi ủy quyền như sau:

“Soạn thảo hồ sơ tố cáo ông Nguyễn Văn D tại Cơ quan Cảnh sát điều tra về hành vi: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; kiến nghị các cơ quan chức năng buộc ông Nguyễn Văn D thanh toán số tiền như biên bản đã ký; kiến nghị các cơ quan chức năng thực hiện các biện pháp khác nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH H2; nộp và nhận các tài liệu liên quan đến vụ việc trên tại các bên liên quan và các cơ quan chức năng; đại diện cho Công ty TNHH H2 để làm việc với ông Nguyễn Văn D để giải quyết công việc như nội dung của Điều 1.”

Nội dung của Điều 1, Giấy ủy quyền thể hiện liên quan đến nội dung tố cáo hành vi của ông D Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Không có nội dung nào thể hiện, Công ty H2 ủy quyền cho ông Lê Minh H được quyền điều chỉnh lãi suất chậm thanh toán từ 0,04%/ngày, còn 8%/năm cho Công ty Đ. Do đó, việc ông Lê Minh H đã ký và ban hành Công văn số 02/2024/CV ngày 13/8/2024 (BL 186) về việc xác nhận điều chỉnh lãi suất chậm thanh toán 8%/năm là hoàn toàn vượt quá phạm vi ủy quyền. Do đó, Công văn số 02/2024/CV ngày 13/8/2024 do ông H ký không có giá trị về mặt pháp lý.

[2.2] Công ty TNHH Đ cho rằng ông Hồ Minh T2 ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 13/01/2023 và đồng ý với mức lãi suất 0,04%/ngày là vượt quá thẩm quyền nên đại diện Công ty TNHH Đ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với mức lãi suất 0,04%/ngày.

Xét thấy, thời điểm ký Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 13/01/2023, ông Hồ Minh T2 là giám đốc Công ty và đã được ông Nguyễn Văn D uỷ quyền theo Giấy ủy quyền ngày 03/01/2022, có nội dung: *Ông Hồ Minh T2 được quyền thay mặt tôi, nhân danh Công ty TNHH Đ thực hiện công việc sau đây: Chức năng: Hợp đồng; nội dung ủy quyền: 2.1. Đàm phán, ký kết hợp đồng, phụ lục hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng với khách hàng và đối tác của Công ty...3.6 Ký duyệt biên bản đối chiếu công nợ...*; do đó, việc ông T2 đồng ý thỏa thuận mức lãi suất phạt chậm thanh toán cho Công ty Đ 0,04%/ngày là đúng thẩm quyền tại mục 2.1 và 3.6 của Giấy ủy quyền lập ngày 03/01/2022 (BL322). Tại phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm ông Dư thừa N2 sau khi ký Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 13/01/2023 thì ông T2 có báo với ông về việc này nhưng ông không có ý kiến phản đối.

Tại Công văn số 03/2024/CV-KT/DTQ ngày 30/07/2024; Công văn số 04/2024/CV-KT/DTQ ngày 15/08/2024; Công văn số 05/2024/CV-KT/DTQ ngày 31/08/2024, Công văn số 07/2024/CV-KT/DTQ ngày 01/10/2024; Công văn số 08/2024/CV-KT/DTQ ngày 25/10/2024; Công văn số 09/2024/CV-KT/DTQ ngày 29/11/2024, Công ty TNHH Đ liên lục đề nghị Công ty TNHH H2 giảm lãi suất nhưng phía Công ty TNHH H2 không có công văn nào phản

hồi để chấp nhận việc xin giảm lãi của Công ty TNHH Đ. Công văn số 06/2024/CV-HH ngày 02/12/2024 gửi cho Công ty TNHH Đ, một lần nữa Công ty TNHH H2 khẳng định: Đề nghị Công ty TNHH Đ thực hiện đúng cam kết với lãi suất 0,04%/ngày.

[2.3] Mặt khác, phía bị đơn cho rằng theo biên bản thanh lý hợp đồng lập ngày 13/01/2023 thì Công ty TNHH H2 phải xuất hóa đơn thì Công ty TNHH Đ mới thanh toán. Tuy nhiên, căn cứ vào Mục 2 Điều 2 của Biên bản thanh lý hợp đồng lập ngày 13/01/2023 thì hai bên thỏa thuận rằng: Bên A thanh toán tiền thì đồng thời bên B sẽ xuất hóa đơn. Do đó, ý kiến nêu trên của Công ty TNHH Đ không có căn cứ.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị đơn có cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nhưng tài liệu, chứng cứ này không đủ căn cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H2 là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do không chấp nhận nội dung kháng cáo của Công ty TNHH Đ nên Công ty TNHH Đ chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Đ.

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H2 số tiền nợ lãi là 9.971.996.664 đồng (*chín tỷ chín trăm bảy một triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ chịu 117.971.996 đồng (*một trăm mười bảy triệu chín trăm bảy mươi một nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng*); hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H2 65.591.623 đồng (*sáu mươi lăm triệu năm trăm chín mươi một nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 000003089862 ngày 27/02/2025 và Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0001448 ngày 09/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Quảng Ngãi).

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH Đ chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) Công ty TNHH Đ đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo biên lai thu số: 0001201 ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND, VKSND khu vực 1 – Quảng Ngãi;
- THADS khu vực 1 – Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu Toà Dân sự, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Vân

